

Bản án số: 164/2023/DS-PT
Ngày: 11 – 9 – 2023
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng
đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2023/TLPT-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng đòi lại quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2023/QĐ-PT ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc A, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 48, ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1950. Địa chỉ: Số 30, đường T, Khóm 6, Phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn U. Địa chỉ: ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị K, (vắng mặt).

3. Ông Đỗ Bảo Q, (vắng mặt).

4. Bà Đỗ Thị Quốc M, sinh năm 1986 (có mặt).

5. Ông Đỗ Tự D, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 30, đường T, Khóm 6, Phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông Đỗ Văn D1. Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

7. Bà Đỗ Thị Anh Đ. Địa chỉ: số 34 đường Hùng Vương, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, (vắng mặt).

8. Bà Đỗ Thị Ché L. Địa chỉ: số 259 đường K, Khóm 4, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Thanh Tr, (vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Thị Thúy H, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

11. Bà Lê Thị H1, (vắng mặt).

12. Bà Hoàng Thị Thu D2, (vắng mặt).

13. Ông Hoàng Ngọc D3, (vắng mặt).

14. Ông Hoàng Ngọc D4, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Hoàng Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 10 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Ngọc A trình bày: Trước năm 1985 ông được Nhà nước trang trải phần đất có diện tích 6.000m², tọa lạc tại ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Khi được giao đất thì ông làm ruộng, trồng 50 gốc dừa và cất một căn nhà kiên cố trên đất. Đến năm 1995 ông trả 4.000m² đất cho ông N, còn 2.000m² ông tiếp tục sử dụng. Vào tháng 9/2021 ông N tự ý lấy đất của ông bán cho ông Nguyễn Thanh Tr. Hiện nay, phần đất và căn nhà do ông đang cho ông Nguyễn Văn U sử dụng là thửa đất 87, tờ bản đồ số 7, địa chỉ ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn N ngày 17/3/1995.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn N trả lại cho ông phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế 1.251,7m², tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đối với phần còn lại là căn nhà của ông A, trong quá trình giải quyết vụ án ông A đồng ý để ông U sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa sơ thẩm ông A yêu cầu ông N trả cho ông A số tiền 50.000.000 đồng là tiền hoa lợi (giá trị đất).

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Văn N trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Đỗ Văn C (chết năm 1979) và bà Dương Thị T (chết năm 1989) là cha mẹ ông khai phá trước năm 1945. Thời còn sống thì cha mẹ ông đã cho ông phần đất có diện tích khoảng 12.000m², đến năm 1995 thì ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất 87, có diện tích 11.920m², tọa lạc ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trước năm 1985 ông có cho ông A mượn

phần đất là cái nền nhà để cất nhà ở, còn phần đất trống thuộc thửa 87 thì ông vẫn sử dụng để nuôi tôm và trồng lúa. Nay ông không đồng ý trả lại cho ông A và đồng ý cho ông U ở trên phần đất có căn nhà, không yêu cầu ông U trả lại đất có căn nhà. Vào năm 2021 ông đã chuyển nhượng phần đất thửa 87 diện tích 10.962,3m², trong đó có phần đất tranh chấp với ông Nguyễn Thanh Tr, địa chỉ ở ấp A, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với giá 700.000.000 đồng. ông đã nhận đủ tiền và đã làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tr xong. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông A thì ông không đồng ý trả lại đất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn U trình bày: Vào năm 2004, ông có mượn ông N phần đất nền nhà để cất nhà ở. Phần đất này là của ông N, khi nào ông N đòi lại thì ông sẽ trả, phần đất tranh chấp hiện nay chỉ có mình ông đang sử dụng, không còn ai khác sử dụng. Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Quốc M trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông Đỗ Văn N.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh Tr trình bày: Vào năm 2021 ông có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Đỗ Văn N diện tích tổng là 10.962,3 m², trong đó có 1 phần đang tranh chấp hiện nay giữa ông A và ông N. Sau khi nhận chuyển nhượng ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay là thửa số 828, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp số DC861322 ngày 07/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là đúng theo trình tự theo quy định pháp luật. Khi ông sang phần đất của ông N thì ông A cũng không có ý kiến gì. Nay ông A yêu cầu ông N trả lại phần đất thì ông không đồng ý vì phần đất này ông đã mua của ông N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Lê Thị K, ông Đỗ Bảo Q, ông Đỗ Tự D, ông Đỗ Văn D1, bà Đỗ Thị Anh Đ, bà Đỗ Thị Ché L, bà Đỗ Thị Thúy Huỳnh, bà Lê Thị H1, bà Hoàng Thị Thu D2, ông Hoàng Ngọc D3, ông Hoàng Ngọc D4: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- Người làm chứng là ông Đặng Văn Hồng trình bày: Thời điểm năm 1982 đến năm 1989 ông làm Bí thư Chi bộ ấp Vĩnh B, xã Gia Hòa 1. Vào năm 1982, gia đình ông N xin về thành phố Sóc Trăng ở, giao đất lại cho địa phương quản lý. Đến năm 1985 chấp hành chỉ thị khoán đất, chính quyền ấp Vĩnh B có khoán cho ông A 06 công trong phần đất của ông N. Lúc đó ông Hoàng Ngọc A là tập đoàn trưởng, tập đoàn 2 ấp Vĩnh B vì ra riêng không có chỗ ở nên chính quyền ấp thống nhất cho ông A 02 công cấp bờ kinh đắp nền nhà cất nhà ở và có lên một số liếp trồng cây, là phần đất chỗ ông U đang ở hiện nay.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Ngọc A về việc yêu cầu bị đơn ông Đỗ Văn N trả lại phần đất tranh chấp sau:

- Phần đất tranh chấp thứ nhất (**P1**) có diện tích 622,7 m², thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, địa chỉ đất ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Đỗ Văn M, có số đo 30,93m.

+ Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp thứ hai (P4), có số đo 28,39m.

+ Hướng Nam giáp phần đất ông Đỗ Văn N đang sử dụng, có số đo 20,39m.

+ Hướng Bắc giáp kênh thủy lợi, có số đo 20,58m.

- Phần đất tranh chấp thứ hai (**P4**) có diện tích 629,0 m², thuộc thửa đất số 87 (thửa mới 828), tờ bản đồ số 7, địa chỉ đất ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp đất phần đất tranh chấp thứ nhất (P1), có số đo 28,39m.

+ Hướng Tây giáp phần đất bà Đỗ Thị T, có số đo 25,53m.

+ Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Thanh Tr đang sử dụng, có số đo 21,39m.

+ Hướng Bắc giáp kênh thủy lợi, có số đo 21,50m.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn N đồng ý đền bù cho ông Hoàng Ngọc A số tiền 4.914.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/6/2023 ông Hoàng Ngọc A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét do ông Đỗ Văn N bồi thường thiệt hại cho ông chưa đủ nên ông yêu cầu bồi thường thêm cụ thể: yêu cầu bồi thường thêm 1 cây dừa; 01 cây me; 01 cây ô môi; 06 cây cột đúc và công bồi đắp (lên liếp đắp nền nhà).

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo yêu cầu bồi thường thêm các cây trồng cho ông gồm 01 cây dừa; 01 cây me; 01 cây ô môi theo kết quả định giá vì cấp sơ thẩm giải quyết còn thiếu; công lên liếp đắp nền nhà là 10.000.000 đồng, còn 06 cây cột đúc đã giải quyết rồi. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không đồng ý theo kháng cáo của nguyên đơn và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn U, bà Lê Thị K, ông Đỗ Bảo Q, ông Đỗ Tự D, ông Đỗ Văn D1, bà Đỗ Thị Anh Đ, bà Đỗ Thị Chê L, ông Nguyễn Thanh Tr, bà Đỗ Thị Thúy Huỳnh, bà Lê Thị H1, bà Hoàng Thị Thu D2, ông Hoàng Ngọc D3 và ông Hoàng Ngọc D4 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có lý do. Xét thấy, những người này đã được triệu tập lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 296 của bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Hoàng Ngọc A và ông Đỗ Văn N thống nhất phân đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.251,7 m², thuộc thửa 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo mảnh trích đo địa chính ngày 09/6/2022 cụ thể như sau:

- Phần đất tranh chấp thứ nhất (P1) có diện tích 622,7 m², thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, địa chỉ đất ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh và vị trí:

- + Hướng Đông giáp đất ông Đỗ Văn M, có số đo 30,93m.
- + Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp thứ hai (P4), có số đo 28,39m.
- + Hướng Nam giáp phần đất ông Đỗ Văn N đang sử dụng, có số đo 20,39m.
- + Hướng Bắc giáp kênh thủy lợi, có số đo 20,58m.

- Phần đất tranh chấp thứ hai (P4) có diện tích 629,0 m², thuộc thửa đất số 87 (thửa mới 828), tờ bản đồ số 7, địa chỉ đất ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh và vị trí:

- + Hướng Đông giáp đất phần đất tranh chấp thứ nhất (P1), có số đo 28,39m.
- + Hướng Tây giáp phần đất bà Đỗ Thị T, có số đo 25,53m.
- + Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Thanh Tr đang sử dụng, có số đo 21,39m.
- + Hướng Bắc giáp kênh thủy lợi, có số đo 21,50m.

Trên phần đất có 01 căn nhà có diện tích 5,6m x 9,8m có kết cấu nền gạch men + đất, vách tường + tol (40m²), mái tol, đỡ mái thép, cột đúc (do ông Đỗ Văn U xây cất) và hiện đang quản lý; 06 cây cột đúc 12 x 12 dài 26m, đà giằng bê tông cốt thép 0,15 x 0,2 x 5,6m = 0,17m² (của ông Hoàng Ngọc A); Lá dừa nước 10m

loại B; 01 cây ô môi đường kính 0,4m, cao 05m; 01 cây trứng cá loại C; 05 cây dừa loại A; 01 cây xoài loại A và 02 cây xoài loại B; 01 cây ổi loại B; măng cầu 01 cây loại B và 01 cây loại C; 01 cây Tràm bông vàng đường kính 0,2m, cao 06m; 02 cây bạch đàn đường kính 0,2m, cao 06m. Theo ông U trình bày thì trong các loại cây trồng trên có 03 cây dừa là do ông A trồng, còn các cây trồng còn lại là của ông U trồng.

[2.2] Nguyên đơn ông Hoàng Ngọc A cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông được nhà nước trang trải 6.000m². Khi được giao đất thì ông làm ruộng, trồng 50 gốc dừa và cất một căn nhà kiên cố. Đến năm 1995, ông trả lại 4.000m² đất cho ông N, còn lại 2.000m² ông tiếp tục sử dụng theo đo đạc thực tế có diện tích 1.251,7m² nên ông A yêu cầu ông N trả cho ông phần đất này. Bị đơn Đỗ Văn N không đồng ý với lời trình bày của ông A và cho rằng nguồn gốc phần đất trên là của cha, mẹ ông để lại cho ông có diện tích khoảng 12.000m² đến năm 1995 thì ông được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 87, tờ bản đồ số 7, có diện tích 11.920m². Vào trước những năm 1985 ông có cho ông A mượn một phần đất để cất nhà ở, đến năm 1991 thì ông báo với ông A là lấy đất lại để cất nhà ở; năm 2004 thì ông cho ông U mượn phần đất chỗ nhà ông A cất trước đây để ở đến nay. Xét thấy, ông A cho rằng phần đất trên của ông được Nhà nước trang trải đất nhưng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của ông là hợp pháp. Đồng thời, tại công văn số 41 ngày 16/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện M đã xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự thủ tục theo quy định. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của ông A và ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc trả giá trị cây trồng và tài sản còn lại của ông A trên đất là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông A không thống nhất với một phần quyết định của án sơ thẩm và kháng cáo.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Hoàng Ngọc A về việc yêu cầu ông Đỗ Văn N bồi thường cho ông thêm: 01 cây dừa; 01 cây me; 01 cây ô môi; 06 cây cột đúc và công bồi đắp lên liếp và đắp nền nhà. Xét thấy, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2022 (BL79) có ghi nhận trên đất tranh chấp có 06 cây cột đúc 12 x 12 dài 26m, đà giằng bê tông cốt thép 0,15 x 0,2 x 5,6m = 0,17m²; Lá dừa nước 10m loại B; 01 cây ô môi đường kính 0,4m, cao 05m; 01 cây trứng cá loại C; 05 cây dừa loại A; 01 cây xoài loại A và 02 cây xoài loại B; 01 cây ổi loại B; măng cầu 01 cây loại B và 01 cây loại C; 01 cây Tràm bông vàng đường kính 0,2m, cao 06m; 02 cây bạch đàn đường kính 0,2m, cao 06m. Theo ý kiến trình bày của ông Đỗ Văn U là người đang quản lý đất xác định trên đất có 06 cây cột đúc và 03 cây dừa là của ông A, còn tất cả tài sản và cây trồng còn lại là của ông Đỗ Văn U (BL 79, 80 và 88, 89) và theo biên bản ông A cũng không có ý kiến gì. Nay ông A cho rằng của ông còn 01 cây dừa, 01 cây me, 01 cây ô môi nhưng phía bị đơn không thừa nhận, ông A cũng không có chứng cứ nào mới để chứng minh các loại cây trồng trên là do ông trồng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

[2.4] Xét kháng cáo của ông Hoàng Ngọc A về việc yêu cầu ông N trả lại cho ông tiền công bồi đắp lên tiếp đắp nền nhà là 10.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này tại giai đoạn sơ thẩm ông A không yêu cầu xem xét và tại phiên tòa hôm nay phía ông N cũng không đồng ý bồi thường số tiền này cho ông A. Đồng thời, theo lời trình bày của ông A thì từ năm 1989 đến nay thì ông không còn ở trên

phần đất này. Vì vậy, cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ để xem xét kháng cáo này của ông A.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của ông Hoàng Ngọc A là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ chấp nhận một phần như đã phân tích trên.

[5] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có đã hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Ngọc A. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Ngọc A về việc yêu cầu bị đơn ông Đỗ Văn N trả lại phần đất tranh chấp sau:

- Phần đất tranh chấp thứ nhất (P1) có diện tích 622,7m², thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, địa chỉ đất ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp đất ông Đỗ Văn M, có số đo 30,93m.
- + Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp thứ hai (P4), có số đo 28,39m.
- + Hướng Nam giáp phần đất ông Đỗ Văn N đang sử dụng, có số đo 20,39m.
- + Hướng Bắc giáp kênh thủy lợi, có số đo 20,58m.

- Phần đất tranh chấp thứ hai (P4) có diện tích 629,0 m², thuộc thửa đất số 87 (thửa mới 828), tờ bản đồ số 7, địa chỉ đất ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo các cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp đất phần đất tranh chấp thứ nhất (P1), có số đo 28,39m.
- + Hướng Tây giáp phần đất bà Đỗ Thị T, có số đo 25,53m.
- + Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Thanh Tr đang sử dụng, có số đo 21,39m.
- + Hướng Bắc giáp kênh thủy lợi, có số đo 21,50m.

(Kèm theo sơ đồ)

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn N đồng ý đền bù cho ông Hoàng Ngọc A số tiền 4.914.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Ngọc A phải chịu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng ông Hoàng Ngọc A đã nộp là 15.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M. Ông Hoàng Ngọc A đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hoàng Ngọc A và bị đơn ông Đỗ Văn N được miễn nộp tiền án phí.

5. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy